

Số: 58/2019/QĐST-HNGĐ

V, ngày 22 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa:

Chị Mừng Thị N, sinh năm 1988; Nơi đăng ký HKTT: Đội 3, thôn Đồng, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H; Chỗ ở hiện nay: Thôn Nà Q, xã Ngọc L, huyện V, tỉnh H và anh Vương Văn Ch; Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Đội 3, thôn Đồng, xã Trung Th, huyện V, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Mừng Thị N và bị đơn anh Vương Văn Ch.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mừng Thị N và anh Vương Văn Ch thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận nhất trí với nhau, chị Mừng Thị N

giao cháu Vương Thị H, sinh ngày 03/10/2006 cho anh Vương Văn Ch trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi và chị Mùng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản, công nợ chung*: Hai bên không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Mùng Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp, trả lại cho chị Mùng Thị N 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 02304, ngày 10/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Trung Th, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thu Hiền**